

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 29 - 11 - 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Đinh Huy Lương

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Trần Thị Sâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Len, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06/10/2022; về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Đặng Văn T – sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Thái Bình D, luật sư của Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* chị Lại Thị Thùy D1 – sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm 4, thị trấn Y1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Đinh Ngọc N2, luật sư của Công ty luật B thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội

3. *Người kháng cáo:* nguyên đơn, anh Đặng Văn T.

Tại phiên tòa có mặt anh T, ông D, chị D1, ông N2.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Văn T và chị Lại Thị Thùy D1 tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị D1 mua nhà ở xã K, huyện Y để chung sống cùng nhau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo và vợ chồng cũng cố gắng khắc phục những khuyết điểm để chung sống nhưng không cải thiện được mà ngày một trầm trọng. Vì vậy, anh T và chị D1 đã bán tài sản chia mỗi người một nửa. Anh T chuyển về Nghệ An sinh sống, còn chị D1 mua nhà ở thị trấn Y1 để sinh sống. Anh T và chị D1 đã sống ly thân kể từ tháng 3/2021 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể về đoàn tụ được nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Lại Thị Thùy D1.

Về con chung: anh T và chị D1 có 02 con chung là cháu Đặng Quang L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2019 và cháu Đặng Minh L1, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2020. Hiện các cháu đang do chị D1 nuôi dưỡng. Nay anh T yêu cầu Tòa án giao cháu Đặng Quang L cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Minh L1 cho chị D1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh T và chị D1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Hiện nay, anh T đang làm việc tại Công ty cổ phần thương mại VH có trụ sở đóng tại: Số 52; khối 7, phường QB, thành phố V, tỉnh Nghệ An có mức lương tháng là 13 triệu đồng. Về chỗ ở anh T đang ở cùng nhà với bố mẹ anh T ở tại xóm 5, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An.

Về tài sản: Anh T và chị D1 đã tự phân chia về tài sản, do vậy anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Lại Thị Thùy D1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị D1 và anh T được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc gì và đã kết hôn vào ngày 28/3/2018 tại UBND thị trấn Y1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chị D1 và anh T về chung sống cùng với mẹ đẻ chị tại phố 4, thị trấn Y1. Sau đó, được sự giúp đỡ của hai bên gia đình đã xây nhà ra ở riêng, vợ chồng chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng không hòa thuận và đoàn tụ được nên đã sống ly thân. Anh T về quê sống với bố mẹ tại xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An. Chị D1 và anh T không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị D1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D1 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn.

Về con chung: chị D1 và anh T cho đến nay có 02 con chung là cháu Đặng Quang L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2019 và cháu Đặng Minh L1, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2020, hiện các cháu đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay chị D1 có nguyện vọng và yêu cầu Tòa án giao hai cháu L và cháu L1 cho chị D1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bởi lẽ hiện nay cả hai cháu còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của người mẹ nên chị D1 không nhất trí giao cháu L cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng vì lý do nêu trên. Bản thân chị D1 đang làm việc Công ty TNHH A tại khu công nghiệp xã KP, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và có mức lương ổn định hàng tháng là 7 triệu đồng. Hiện tại chị D1 đã được mẹ đẻ làm xong thủ tục cho tặng chị D1 ngôi nhà 2 tầng và đất tại khu phố 5, thị trấn Y1. Hiện nay hai con đang ở cùng chị D1, thuận lợi cho việc đi lại và học tập lâu dài của hai con. Do vậy, chị D1 yêu cầu Tòa án xem xét trên điều kiện thực tế để chị D1 được nuôi dưỡng hai cháu L và cháu L1. Chị D1 không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D1.

Về tài sản: Chị D1 nhất trí với ý kiến của anh T là vợ chồng đã tự thỏa thuận và phân chia xong về tài sản, nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của N1 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đặng Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với chị Lại Thị Thùy D1

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Lại Thị Thùy D1.

- Về con: Giao cháu Đặng Quang L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2019 và cháu Đặng Minh L1, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2020 cho chị Lại Thị Thùy D1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Đặng Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Lại Thị Thùy D1 và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005566 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2022 anh Đặng Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ - ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa bản án sơ thẩm giao cháu Đặng Quang L sinh ngày 12/01/2019 cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình nhận xét: về tố tụng Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội D1 kháng cáo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phân tích các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh T, chị D1 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn T sửa bản án sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình giao cháu Đặng Quang L sinh ngày 12/01/2019 cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Án phí phúc thẩm anh T không phải chịu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Đặng Văn T làm và nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên nội dung kháng cáo được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Đặng Văn T:

[2.1] Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con nghĩa vụ, quyền của mỗi bên khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

[2.1] Tại Tòa án, anh T và chị D1 không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị D1 có hai con chung là cháu Đặng Quang L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2019 và cháu Đặng Minh L1, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2020. Hai cháu đều còn rất nhỏ một cháu chưa đủ 36 tháng tuổi một cháu chưa đủ 48 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ em cần xem xét toàn diện các điều kiện của anh T, chị D1 khi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cũng như tình trạng thực tế của các cháu: anh T chưa có chỗ ở riêng đang sống chung với gia đình bố mẹ đẻ; chị D1 đã có nhà riêng đầy đủ tiện nghi. Tại thời điểm ly hôn anh T và chị D1 đều làm việc trong các doanh nghiệp có thu nhập ổn định hàng tháng. Cả hai đều có sức khỏe và đạo đức tốt, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Tuy nhiên, từ khi ly thân đầu năm 2021 cho đến nay chị D1 và 02 con đã chung sống ổn định tại nhà riêng của chị D1. Các cháu được đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần nên phát triển toàn diện. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T đã thừa nhận điều này. Do đó, bản án sơ thẩm đã giao cả hai cháu cho chị D1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của anh T không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn T theo đơn kháng cáo đề ngày 05/8/2022.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Đặng Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005591 ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Anh Đặng Văn T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 29 tháng 11 năm 2022.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân huyện Y;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Đinh Huy Lương**